

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Hương.

Bà Tô Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị D, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Hà Văn K, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 21 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chu Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn K trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Có được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Chị và anh Hà Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05-3-2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2012, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách dạy con, xảy ra xô sát. Mặc

dù gia đình hai bên đã giúp đỡ, khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không tiến triển. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Kể từ khi ly thân, chị và anh Hà Văn K không còn tình nghĩa vợ chồng, đã không chung sống với nhau, không liên lạc với nhau, bỏ mặc ai sống ra sao thì sống. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn K.

Về con chung: Chị và anh Hà Văn K có 02 (hai) con chung là cháu Hà Tuấn K1, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2007 và cháu Hà Tuấn P, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2009. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hà Tuấn P; anh Hà Văn K là người trực tiếp nuôi cháu Hà Tuấn K1. Chị và anh Hà Văn K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho vay chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Hà Văn K theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng anh K không có mặt tại Tòa án theo như giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Chu Thị D và anh Hà Văn K, xác định được khoảng năm 2020 thì chị D đã chuyển hẳn ra ngoài sinh sống, làm việc thỉnh thoảng mới về thăm con. Chị Chu Thị D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải. Do đó, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định và không tiến hành phiên họp hoà giải.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Chu Thị D và anh Hà Văn K đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Chu Thị D được ly hôn với anh Hà Văn K. Về con chung: Để đảm bảo quyền lợi của con, không làm ảnh hưởng đến việc học tập của con, căn cứ các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao cháu Hà Tuấn P cho chị Chu Thị D được trực tiếp nuôi đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Hà Tuấn K1 cho anh Hà Văn K được trực tiếp nuôi đến khi đủ 18 tuổi. Chị Chu Thị D và anh Hà Văn K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị

không xem xét giải quyết. Về nợ chung và cho vay chung: Do đương sự xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Chu Thị D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Hà Văn K cư trú tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định của các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Nguyên đơn chị Chu Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hà Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị D và anh Hà Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, khi kết hôn đảm bảo các điều kiện về kết hôn và có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 05 tháng 3 năm 2007. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị D và anh Hà Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị D và anh Hà Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Chu Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không có quan hệ tình cảm, không có sự quan tâm lẫn nhau, ai sống ra sao thì sống. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Chu Thị D và anh Hà Văn K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu được ly hôn với anh Hà Văn K của chị Chu Thị D.

[5] Về con chung: Cháu Hà Tuấn K1 có nguyện vọng được ở với anh Hà Văn K. Cháu Hà Tuấn P có nguyện vọng được ở với chị Chu Thị D. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, không làm ảnh hưởng đến việc học tập của con. Hội đồng xét xử giao cháu Hà Tuấn P cho chị Chu Thị D được trực tiếp nuôi đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Hà Tuấn K1 cho anh Hà Văn K được trực tiếp nuôi đến khi đủ 18 tuổi. Chị Chu Thị D và anh Hà Văn K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Do chị Chu Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung và cho vay nợ chung: Do chị Chu Thị D xác định không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Chu Thị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị D được ly hôn anh Hà Văn K.

2. Về con chung: Chị Chu Thị D là người được trực tiếp nuôi cháu Hà Tuấn P, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2009 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Văn K là người được trực tiếp nuôi cháu Hà Tuấn K1, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2007 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Chu Thị D và anh Hà Văn K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Chu Thị D và anh Hà Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Chu Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Chu Thị D đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000889 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- UBND X. Thuy Hùng, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp